



Bài báo nghiên cứu

ĐẶC ĐIỂM CỦA BẢN DỊCH CÁC TỪ THUỘC PHẠM TRỪ TRẠNG THÁI TIẾNG NGA SANG TIẾNG VIỆT

Lê Thị Đức Hải

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Lê Thị Đức Hải – Email: duchai1612@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 27-6-2022; ngày nhận bài sửa: 18-8-2022; ngày duyệt đăng: 26-8-2022

TÓM TẮT

Bài viết đề cập sự khác nhau về mặt ngữ pháp của từ thuộc phạm trù trạng thái trong bản dịch tiếng Việt và nguyên tác các vở kịch của nhà văn Nga A. P. Chekhov dựa trên cơ sở ngữ liệu là ba vở kịch: *Hải âu*, *Ba chị em* và *Vườn anh đào*. Kết quả nghiên cứu cho thấy các phương thức truyền đạt của dịch giả có sự khác biệt về ngữ pháp trong cách chuyển dịch nghĩa của các từ thuộc phạm trù trạng thái giữa hai ngôn ngữ tiếng Nga và tiếng Việt. Dịch giả đã khéo léo và sáng tạo khi chuyển dịch nghĩa mà vẫn đảm bảo phong cách sân khấu của Chekhov cũng như giữ được tinh thần của tác phẩm. Kết quả nghiên cứu này có thể giúp ích cho những người học tiếng Nga và Văn học Nga, đồng thời làm tư liệu cho việc giảng dạy biên phiên dịch tác phẩm văn học Nga sang tiếng Việt.

Từ khóa: kịch Chekhov; câu vô nhân xưng; từ loại tiếng Nga; đặc điểm bản dịch; từ thuộc phạm trù trạng thái

1. Mở đầu

Vấn đề về các từ thuộc phạm trù trạng thái đã được nghiên cứu trong ngôn ngữ học Nga từ nửa đầu thế kỉ XIX. Đến nay, do mức độ phức tạp và đa diện của từ loại này trong tiếng Nga và trong tác phẩm văn học Nga, có nhiều ý kiến khác nhau về vị trí của các từ thuộc phạm trù tình thái trong tiếng Nga. Sherba (1974, p.77) cho rằng sự hiện diện của các từ thuộc phạm trù tình thái là một phạm trù đặc biệt của từ loại trong tiếng Nga. Vinogradov (1986, p.401) cũng xem những từ này là một bộ phận độc lập của hệ thống từ loại và phân biệt các từ thuộc loại trạng thái với các tính từ và trạng từ ngắn đuôi. Theo Lekant (1995, p.192), các từ thuộc loại trạng thái được đưa ra định nghĩa như sau: “Các từ thuộc phạm trù trạng thái là một bộ phận độc lập trong hệ thống từ loại, thể hiện ý nghĩa về trạng thái của động vật hoặc trạng thái xung quanh với chức năng ngữ pháp là vị ngữ”. Từ thuộc phạm trù trạng thái khác với trạng từ ở chỗ chúng không mang ý nghĩa ngữ pháp của một hành động hoặc một dấu hiệu nào đó, trong câu chúng luôn đóng vai trò vị ngữ. Kasatkin (2001, p.623) thì cho rằng các từ thuộc phạm trù trạng thái được công nhận là một nhóm từ loại riêng biệt,

Cite this article as: Lê Thi Duc Hai (2022). Features of the translation of Russian state words into Vietnamese. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(8), 1323-1331.

thể hiện ý nghĩa ngữ pháp chung về trạng thái của sinh vật, thiên nhiên, môi trường trong hình thức ngữ pháp của thành phần chính là vị ngữ.

Giáo trình *Ngôn ngữ Nga hiện đại* của Dibrova (2002, p.174) đã đưa ra định nghĩa đầy đủ hơn về từ thuộc phạm trù trạng thái như sau: “Phạm trù trạng thái là một bộ phận có ý nghĩa biểu thị trạng thái động và thể hiện ý nghĩa này trong phạm trù thời gian, thể động từ và vô nhân xưng”. Nhưng bên cạnh đó, Evtyukhin (2013, p.525) lại trình bày quan điểm khác, cho rằng nhóm từ thuộc phạm trù trạng thái chỉ là một nhánh của trạng từ và gọi chúng là trạng từ vị ngữ. Xét các đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa của từ thuộc phạm trù trạng thái, chúng tôi xem các từ thuộc phạm trù trạng thái là một bộ phận độc lập trong hệ thống từ loại.

Các từ thuộc phạm trù trạng thái thuộc văn phong trung lập, do đó chúng được sử dụng rộng rãi trong lời nói của người Nga bản xứ. Bằng cách sử dụng nhiều từ thuộc phạm trù trạng thái, Chekhov đã xây dựng được lời thoại của các nhân vật trong vở kịch của mình một cách sống động. Theo Skaftymov (1958, p.18-20), tính mới và khác thường trong các vở kịch của A. P. Chekhov là sự vắng mặt của các sự kiện lịch sử, chính trị, xã hội, kinh tế... Chekhov đã thấy được các vở “kịch cuộc sống” trong diễn biến hàng ngày của nó, đó là lí do tại sao các từ thuộc phạm trù trạng thái lại rất quan trọng trong các vở kịch của ông. Chúng được dùng để mô tả, trước hết là trạng thái nội tâm của các nhân vật, giúp tạo nên một bức tranh sinh động gắn gũi với tất cả mọi người trong xã hội. Berkovsky (1969) cũng nhận định rằng “Các nội dung sự kiện của Chekhov không hẳn là ở ngoài lề nhưng chúng đi vào chiều sâu... chúng thường xảy ra không phải trên sân khấu, mà ở đâu đó trong không gian hậu trường...” (p.48-184). Các vở kịch của Chekhov được dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau, trong đó có tiếng Việt. Tính tương đương trong dịch thuật là một vấn đề trung tâm, mặc dù gây nhiều tranh cãi trong lĩnh vực nghiên cứu lí thuyết dịch thuật (Vinay & Dalbernet, 1958; Jacobson, 1959; Catford, 1965; Nida, 1964; Nida, & Taber, 1969; House, 1977; Baker, 1992). Các nhà nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau để nghiên cứu về các lí thuyết dịch thuật, sự tương đương trong dịch thuật. Sự tương đương về ngữ pháp trong dịch thuật đóng vai trò trọng tâm trong bài nghiên cứu này. Mona Baker đã chỉ ra rằng các quy tắc ngữ pháp giữa các ngôn ngữ có thể khác nhau. Điều này dẫn đến một số vấn đề trong dịch thuật, dịch giả có thể thay đổi cách thức chuyển thông điệp hoặc bớt thông tin trong bản dịch (Baker, 1992, p.82-117) .

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu và nguồn ngữ liệu

Các phương pháp nghiên cứu được chúng tôi sử dụng trong bài này là phương pháp miêu tả (định tính và định lượng), phương pháp so sánh đối chiếu và phương pháp thống kê xử lí tài liệu ngôn ngữ. Trong tất cả các vở kịch của A. P. Chekhov được khảo sát trong nghiên cứu này, từ thuộc phạm trù trạng thái được sử dụng khá thường xuyên. Trong vở kịch *Chim hải âu* (1895-1896), chúng tôi ghi nhận 143 trường hợp sử dụng từ thuộc phạm trù trạng thái. Vở kịch *Ba chị em* (1900) có 82 trường hợp, và *Vườn anh đào* (1903) – 86 trường

hợp. Tháng 6 năm 2006, tại Hà Nội, Nhà xuất bản Sân khấu đã cho ra đời tuyển tập bản dịch tiếng Việt của các vở kịch *Chim hải âu, Ba chị em, Vườn anh đào*. Vở kịch được chuyển dịch sang tiếng Việt bởi nhà phê bình văn học nổi tiếng – Nhị Ca. Đây cũng là bản dịch được chúng tôi lựa chọn để đối chiếu với nguyên tác tiếng Nga.

2.2. Kết quả và thảo luận

Trong bản dịch tiếng Việt, ngữ nghĩa của từ thuộc phạm trù trạng thái không thay đổi, nhưng các phương tiện ngữ pháp để diễn đạt các nghĩa này lại thay đổi. Trong tiếng Việt, những từ này là tính từ và được dùng trong câu đơn gồm hai thành phần hoặc câu đơn đặc biệt. Theo Diệp Quang Ban (2015), câu đơn hai thành phần “là câu đơn có một cụm chủ - vị duy nhất làm thành nòng cốt câu” (p.119). Ông cũng phát biểu về câu đơn đặc biệt như sau “câu đơn đặc biệt là kiến trúc có một trung tâm cú pháp chính không chứa hay không hàm ẩn một trung tâm cú pháp thứ hai có quan hệ với nó như là quan hệ giữa chủ ngữ và vị ngữ” (p.152).

Dịch giả đã khéo léo chọn những từ tiếng Việt để hoàn toàn trùng khớp về ý nghĩa với từ thuộc phạm trù trạng thái của tiếng Nga, phù hợp với phong cách của A.P. Chekhov. Rõ ràng, trong các vở kịch, tác giả đã sử dụng những từ ngữ thông tục, đơn giản, dễ hiểu, bao gồm cả từ thuộc phạm trù trạng thái, để làm cho vở kịch sống động, chân thật hơn. Và độc giả Việt Nam cũng thấy điều này trong bản dịch.

Chúng tôi nhận thấy việc chuyển dịch tác phẩm văn học từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác không hề đơn giản, đặc biệt là các tác phẩm kịch. Tiếng Nga là một ngôn ngữ biến hình, và tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập, hai ngôn ngữ này hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, trong bản dịch của mình, Nhị Ca phải giữ nguyên nghĩa của từ thuộc phạm trù trạng thái nhưng theo phong cách của tiếng Việt, theo cách dùng từ của người Việt. So sánh vở kịch nguyên bản với bản dịch, chúng tôi nhận thấy một số trường hợp khác biệt sau đây (xem Bảng 1):

Bảng 1. Một số trường hợp khác biệt giữa nguyên bản và bản dịch

Các trường hợp cụ thể	Nguyên tác	Bản dịch	Ghi chú
Trạng thái thể chất, tinh thần, trí óc của con người	<i>Ему нездорово жить в деревне</i> (Треплев. Чайка)	<i>Ông ấy sẽ không khỏe khi sống ở dưới quê.</i>	Từ chỉ trạng thái được sử dụng trong câu đơn hai thành phần trong bản dịch. Trong nguyên tác, từ chỉ trạng thái được sử dụng trong câu vô nhân xưng, không có chủ ngữ, chỉ có chủ thể
	<i>Петрушка, тебе скучно?</i> (Аркадина. Чайка)	<i>Petrushka, cậu mày thấy chán hả?</i>	Từ chỉ trạng thái trong nguyên tác được sử dụng trong câu vô nhân xưng, đóng vai trò là vị ngữ. Ở bản dịch, từ chỉ trạng

	<p>thái “chán” được dịch giả kết hợp với động từ “thấy” để làm rõ hơn tâm trạng của nhân vật, phù hợp với nguyên tác. Đồng thời, dịch giả cũng khéo léo sử dụng trợ từ “hả” để biểu thị điều nghi vấn</p>
<p><i>У меня на душе так светло</i> (Ирина. Три сестры)</p>	<p><i>Lòng em tràn đầy ánh nắng.</i></p> <p>“Lòng em” trong bản dịch đóng vai trò là chủ ngữ trong câu, trong khi ở bản nguyên tác thì cụm từ ấy đóng vai trò trạng ngữ trong câu. Dịch giả đã khéo léo dùng thêm động từ “tràn đầy” kết hợp với “ánh nắng” để diễn đạt đúng trạng thái của nhân vật</p>
<p><i>Невесело мне.</i> (Маша. Три сестры)</p>	<p><i>Chi buồn lắm.</i></p> <p>Trong bản dịch từ “buồn” đóng vai trò vị ngữ trong câu đơn hai thành phần. Dịch giả đã thêm phó từ “lắm” vào để chỉ mức độ trạng thái và làm cho lời thoại của nhân vật thuần Việt hơn</p>
<p><i>Одинокому становится грустно на душе.</i> (Вершинин. Три сестры)</p>	<p><i>Một người cô đơn ắt thấy nao nao buồn</i></p> <p>Từ “buồn” trong bản dịch được kết hợp với động từ “thấy” và phó từ “ắt” để làm rõ tâm trạng của nhân vật một cách thuần Việt hơn so với dịch sát nghĩa của cụm từ “становится грустно” (trở nên buồn bã). “Buồn” đóng vai trò vị ngữ trong câu đơn hai thành phần, trong khi từ “грустно” là vị ngữ trong câu vô nhân xưng</p>
<p><i>Мне совестно.</i> (Наташа. Три сестры)</p>	<p><i>Tôi ngượng lắm.</i></p> <p>Trong bản dịch, từ “ngượng” đóng vai trò vị ngữ trong câu đơn hai thành phần. Dịch giả đã thêm phó từ “lắm” vào để chỉ mức độ trạng thái và làm cho lời thoại của nhân vật thuần Việt hơn</p>

	<i>Мне тебя так жалко!</i> (Шарлотта. Вишневый сад)	<i>Tôi <u>thấy tiếc</u> cho ông lắm!</i>	Trong bản dịch “tiếc” là động từ đóng vai trò vị ngữ trong câu đơn hai thành phần. Trong khi ở nguyên tác thì từ “жалко” là từ chỉ trạng thái đóng vai trò vị ngữ trong câu vô nhân xưng
	<i>Мне одной в тишине страшно.</i> (Любовь Андреевна. Вишневый сад)	<i>Chỉ <u>sợ hãi</u> khi ở một mình lắm.</i>	Trong bản dịch, “sợ hãi” là tính từ, đóng vai trò vị ngữ trong câu đơn hai thành phần. Trong khi ở nguyên tác thì từ “страшно” là từ chỉ trạng thái đóng vai trò vị ngữ trong câu vô nhân xưng
	<i><u>Душно.</u></i> (Маша. Чайка)	<i>Ngọt ngọt thật.</i>	Câu đơn đặc biệt
	<i>Как <u>грациозно!</u></i> (Тригорин. Чайка)	<i>Thật là <u>duyên dáng</u> làm sao!</i>	Câu đơn đặc biệt
Trạng thái thiên nhiên, không khí xung quanh, hoàn cảnh cụ thể	<i>На дворе <u>солнечно, весело.</u></i> (Автор. Три сестры)	<i>Trời <u>nắng</u>, <u>bên ngoài cảnh vật tươi vui.</u></i>	Trong bản dịch, từ “nắng” và “tươi vui” là tính từ đóng vai trò vị ngữ trong câu đơn hai thành phần. Trong khi ở nguyên tác thì từ “солнечно” và “весело” là từ chỉ trạng thái đóng vai trò vị ngữ trong câu vô nhân xưng.
	<i><u>Тихо.</u></i> (Маша. Три сестры)	<i><u>Vắng lặng.</u></i>	Câu đơn đặc biệt
	<i><u>Здесь холодно.</u></i> (Ольга. Три сестры)	<i><u>Ở đây lạnh.</u></i>	Câu đơn đặc biệt
	<i><u>Охота обращать внимание.</u></i> (Аркадина. Чайка)	<i><u>Cần tập trung</u> một chút.</i>	<i>Cần + tập trung:</i> мод. гл. + глав. гл.
	<i>Мне <u>необходимо</u> ее <u>видеть.</u></i> (Треплев. Чайка)	<i>Tôi <u>cần phải thấy</u> cô ta.</i>	<i>Cần phải + thấy:</i> мод. гл. + глав. гл.
Các ý nghĩa chỉ sự cần thiết	<i>Мне <u>суждено</u> <u>победить.</u></i> (Нина. Чайка)	<i>Tôi <u>phải thắng</u> cho bằng được.</i>	<i>Phải + thắng:</i> мод. гл. + глав. гл.
	<i><u>Можно</u> <u>держатъ</u> <u>настежь.</u></i> (Ольга. Три сестры)	<i><u>Có thể mở toang</u> cửa sổ ra.</i>	<i>Có thể + mở:</i> мод. гл + глав. гл.

	<u>Надо ей сказать.</u> (Наташа. Три сестры)	<u>Phải nói</u> với cô ấy vậy.	Phải + nói: мод. гл + глав. гл.
	<u>Нам пора уходить.</u> (Чебутыкин. Три сестры)	<u>Chúng tôi phải về thôi.</u>	Phải + về: мод. гл + глав. гл.
	<u>Жениться не нужно.</u> (Андрей. Три сестры)	<u>Không nên lấy vợ.</u>	Không nên + lấy vợ: мод. гл + глав. гл.
Có thể nghe được, có thể thấy được	<u>Слышно</u> , как шумят деревья и воет ветер в трубах. (Автор. Чайка)	<u>Có thể nghe</u> được tiếng động đậy của cây và tiếng gió rít trong các ống khói.	Có thể + nghe = можно слышать
	<u>Видно</u> , что только что пили шампанское. (Автор. Три сестры)	<u>Có thể thấy được</u> rằng là họ vừa mới uống sâm banh.	Có thể + thấy được = можно видеть
	<u>Слышно</u> , как далеко в саду топором стчат по дереву. (Автор. Вишневы сад)	<u>Có thể nghe</u> tiếng búa chặt cây từ xa.	Có thể + nghe = можно слышать
Từ thuộc phạm trù trạng thái + phụ từ	Без вас мне <u>будет тяжело.</u> (Сорин. Чайка)	Không có mọi người thì tôi <u>sẽ vất vả</u> lắm đây.	Từ “vất vả” trong bản dịch đóng vai trò vị ngữ trong câu đơn hai thành phần. Dịch giả đã thêm phó từ “lắm” để chỉ mức độ cao hơn của trạng thái nhân vật, đồng thời bổ sung trợ từ “đây” ở cuối câu để khẳng định thêm nỗi băn khoăn của nhân vật
	<u>Было</u> очень <u>холодно.</u> (Ольга. Три сестры)	<u>Hôm đó rét lắm.</u>	Trong bản dịch sang tiếng Việt không có phụ từ chỉ thời gian, nhưng dịch giả đã thêm từ “hôm đó” để độc giả có thể hiểu sự việc trong quá khứ.
	<u>Было шумно.</u> (Маша. Три сестры)	Thật là <u>tấp nập</u>	Dịch giả đã thêm “Thật là = очень” để miêu tả chính xác ý nghĩa nguyên bản
	Я пришел к вам, еще <u>было светло.</u> (Ферапонт. Три сестры)	Khi tôi đến thì trời <u>hãy còn sáng.</u>	Trong bản dịch tiếng Việt không có trạng ngữ chỉ thời gian, nhưng dịch giả có thể hiểu dựa vào hoàn cảnh
	Вот железную дорогу построили, и <u>стало удобно.</u> (Гаев. Вишневы сад)	Đường sắt xây xong rồi đấy, <u>thuận tiện</u> quá rồi.	Dịch giả kết hợp tính từ “thuận tiện” với phó từ “quá” để lời thoại trở nên thuận Việt hơn so với dịch sát nghĩa từ cụm từ nguyên tác “стало удобно” (đã trở nên thuận tiện)

Để biểu thị trạng thái thể chất, tinh thần, trí óc của con người, tiếng Việt dùng tính từ trong câu gồm hai phần, trong đó chủ thể là chủ ngữ. Người dịch đã bổ sung thêm các từ chức năng kèm theo để đánh giá mức độ để thể hiện trạng thái của nhân vật một cách rõ ràng hơn khi dịch vở kịch tiếng Nga sang tiếng Việt.

Ví dụ:

Chỉ sợ hãi khi ở một mình lắt. (*Мне одной в тишине страшно*): mặc dù trong nguyên bản không có từ “*очень*” nhưng dịch giả bổ sung thêm phó từ “*lắt*” để làm rõ hơn trạng thái của nhân vật.

Để diễn đạt trạng thái tự nhiên hoặc không khí xung quanh, trạng thái của tình huống cụ thể, tiếng Việt sử dụng tính từ trong câu đặc biệt, trong đó tính từ là vị ngữ. Trong một số trường hợp, chủ ngữ được thêm vào tính từ-vị ngữ, điều này không có trong các câu hàm ý bằng tiếng Nga.

Ví dụ:

Trời nắng, bên ngoài cảnh vật tươi vui. (*На дворе солнечно, весело*): mặc dù trong nguyên bản không có các từ “*небо*” “*сцена*” nhưng dịch giả đã bổ sung thêm các từ “trời”, “cảnh vật” để miêu tả rõ hơn về không khí xung quanh cũng như để lời dẫn được thuận Việt hơn.

Để chuyển tải các ý nghĩa mang tính bắt buộc, cần thiết, tiếng Việt sử dụng các động từ phương thức đi kèm với các động từ chính trong câu. Nếu câu có chủ ngữ thì bản dịch tiếng Việt sẽ dùng câu gồm hai thành phần, trong đó chủ thể là chủ ngữ. Nếu câu nào không xác định chủ thể thì trong tiếng Việt sẽ dùng câu đặc biệt.

Để chỉ thì quá khứ hoặc tương lai, trong tiếng Việt sử dụng các từ chức năng trước động từ phương thức: “*đã*” chỉ thì quá khứ; “*sẽ*” chỉ thì tương lai và chúng đứng trước một động từ hoặc tính từ. Nếu không có phương tiện biểu đạt thời gian trong câu, người đọc cảm nhận thời gian với sự trợ giúp của hoàn cảnh thời gian (yếu tố quyết định).

Để dịch những từ như “*слышно, видно*”, trong tiếng Việt dùng các tổ hợp *можно слышать, можно видеть* trong câu đặc biệt.

Trong lĩnh vực dịch thuật, đặc biệt là dịch các tác phẩm văn học Nga sang tiếng Việt, những cách thức nêu trên sẽ giúp truyền tải được trạng thái nhân vật và bối cảnh xung quanh.

3. Kết luận

Các từ thuộc phạm trù trạng thái được sử dụng rất phổ biến trong tiếng Nga, đặc biệt là trong văn nói. Nhà văn Chekhov đã xây dựng hình ảnh chân thực, sống động, gần gũi với đời thường bằng cách đưa các từ thuộc phạm trù trạng thái này vào lời thoại của từng nhân vật trong các vở kịch của mình. Đặc biệt hơn là khi so sánh bản dịch tiếng Việt của vở kịch với bản gốc tiếng Nga, cho thấy có sự khác biệt nhất định. Nguyên nhân chính là do sự khác biệt về mặt hình thái từ, ngữ pháp và cú pháp giữa hai ngôn ngữ: tiếng Nga và tiếng Việt. Tuy vậy, dịch giả đã truyền tải rất tốt phong cách, ý tưởng và trạng thái của nhân vật, cũng như trạng thái của cảnh vật và tình huống xung quanh trong các tác phẩm của Chekhov sang tiếng Việt nhờ vào phương pháp dịch thuật thành công nhiều từ thuộc phạm trù trạng thái.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baker, M. (1992). *In Other Words. A Coursebook on Translation*. London: Routledge.
- Berkovski, N. Ya. (1969). *Chekhov: From short stories and short stories to drama*. Moscow: Literature and theater: articles of different years.
- Catford, J. C. (1965). *A Linguistic Theory of Translation: An Essay on Applied Linguistics*. London: Oxford University Press.
- Chekhov, A. P. (2006). *Ba chi em [Three sisters]* (Translated by Nhi Ca). Theatre. Retrieved from <http://tve-4u.org/threads/ba-chi-em-anton-pavlovich-chekhov.4353/>
- Dibrova, E. I. (2002) (Editor). *Modern Russian. Theory. Language unit analysis*. Chapter 2. Moscow: Academy.
- Diep, Q. B. (2015). *Ngu pháp tiếng Việt [Vietnamese grammar]*. Chapter 2. 18th edition. Vietnamese education, 119.
- Diep, Q. B. (2015). *Ngu pháp tiếng Việt [Vietnamese grammar]*. Chapter 2. 18th edition. Vietnamese education, 152.
- Evtyukhin, V. B., Bodanov, S. I., & Knhiazev, Yu. B. (2013). *Morphology of the modern Russian language: a textbook for higher educational institutions of the Russian Federation*. Faculty of Literature. Saint Petersburg University.
- Ho, L. (1973). Về vấn đề phân loại câu trong tiếng Việt hiện đại [About the problem of sentence classification in modern Vietnamese]. *The Journal of Language*, 3, 36.
- House J. (1977). *A Model for Translation Quality Assessment*. Tübingen: Gunter Narr.
- Jakobson, R. (1959). *On Linguistic Aspects of Translation*. *On Translation*, ed. Brower R. A. Cambridge, MA: Harvard University Press, 232-239.
- Kasatin, L. L. (2001) (Editor). *Russian language*. Moscow, 623.
- Le, T. D. H. (2016). Đặc điểm cú pháp của từ thuộc phạm trù trạng thái (dựa trên kịch của Chekhov “Hai anh”, “Vuon anh dao”, “Ba chi em”) [Syntactic features of state words (based on Chekhov's plays “Seagull”, “Cherry Garden”, “Three Sisters”)]. *All-Russian Student Convention “Innovation”*.
- Lekant, P. A. (1995) (Editor). *Modern Russian language*. Moscow, 192.
- Nguyen, L. (1979). Một vài ý kiến về cách phân tích câu. [Some ideas on how to analyze sentences]. *The Journal of Language*, 2, 46.
- Nida, E. A. (1964). *Towards a Science of Translating*. Leiden: E. J. Brill.
- Nida, E. A., & Taber, C. R. (1969). *The Theory and Practice of Translation*. Leiden: E. J. Brill.
- Pankov, F. I. (2008). Experience in analyzing the communicative function of Russian adverbs. *The article MAKS*. Moscow.
- Saftymov, A. P. (1958). The problem of the principle of construction of Chekhov drama. *Articles on Russian literature*. Saratov.

- Sherba, L. V. (1974). *About words of the Russian language. Language and speech systems.* Moscow, 77.
- Vinay, J-P., & Darbelnet, J. (1958). *Comparative Stylistics of French and English. A Methodology for Translation*, (translated by Sager J. C., Hamel M. J.) Amsterdam/ Philadelphia: John Benjamins Publishing Company.
- Vinogradov, V. V. (1947). *Russian: learn grammar terms about type words.* Moscow, 401.

**FEATURES OF THE TRANSLATION
OF RUSSIAN STATE WORDS INTO VIETNAMESE**

Le Thi Duc Hai

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University of Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding author: Lê Thị Đức Hải – Email: duchai1612@hcmussh.edu.vn

Received: June 27, 2022; Revised: August 18, 2022; Accepted: August 26, 2022

ABSTRACT

The article reports the results of a study on the grammatical differences of words describing status in the Vietnamese translation and the original plays of Russian writer A. P. Chekhov based on the corpus of three plays: "Seagull," "Three Sisters," and "Cherry Garden." The results show that there are grammatical differences in the translation methods of the meanings of these words between Russian and Vietnamese languages. The translators were skillful and creative when translating the meaning while ensuring 'Chekhov's theatrical style and keeping the spirit of the work. The results will be a valuable resource for learners of the Russian language and Russian literature. At the same time, it will be helpful in teaching and translating Russian literary works into Vietnamese.

Keywords: Chekhov's plays; impersonal sentences; Russian word class; translation features; words describing status